CHÚ THÍCH:

01 CỤM CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG - TRUNG TÂM XÃ
Gồm: Trụ sở đảng ủy-HĐND-UBND xã, Nhà văn hóa, Bưu điện,
Trạm y tế, trụ sở công an, trụ sở ban chỉ huy quân sự,
Trường mầm non, Trường tiểu học,...
(Vị trí, quy mô sẽ được cụ thể hóa tại đồ án QHCT xây dựng trung tâm xã)

02 SÂN THỂ THAO TRUNG TÂM XÃ
03 NGHĨA TRANG LIỆT SỸ
04 KHU PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG, DÂN CƯ, TMDV, DU LỊCH SINH THÁI GẮN VỚI PHÁT TRIỂN VĂN HÓA TRÀ
05 KHU LƯU NIỆM TRUYỀN THỐNG TƯỞNG NIỆM LIỆT SĨ TRUNG ĐOÀN 88
06 TRƯỜNG THCS XÃ TÂN CƯƠNG
07 KHÔNG GIAN VĂN HÓA TRÀ TÂN CƯƠNG
08 CHÙA Y NA (KIM QUANG TỰ)
09 NHÀ THỜ GIÁO HỌ KIM SƠN
10 NHÀ VĂN HÓA VÀ SÂN THỂ THAO XÓM NAM ĐỒNG
11 NHÀ VĂN HÓA VÀ SÂN THỂ THAO XÓM NAM HƯNG
12 NHÀ VĂN HÓA VÀ SÂN THỂ THAO XÓM GUỐC
13 NHÀ VĂN HÓA VÀ SÂN THỂ THAO XÓM LAM SƠN
14 NHÀ VĂN HÓA VÀ SÂN THỂ THAO XÓM SOI VÀNG
15 NHÀ VĂN HÓA VÀ SÂN THỂ THAO XÓM TÂN THÁI
16 NHÀ VĂN HÓA VÀ SÂN THỂ THAO XÓM HỒNG THÁI 2
17 NHÀ VĂN HÓA VÀ SÂN THỂ THAO XÓM HỒNG THÁI 1
18 NHÀ VĂN HÓA VÀ SÂN THỂ THAO XÓM GÒ PHÁO
19 NHÀ VĂN HÓA VÀ SÂN THỂ THAO XÓM ĐỘI CẤN
20 NHÀ VĂN HÓA VÀ SÂN THỂ THAO XÓM NAM THÁI
21 NHÀ VĂN HÓA VÀ SÂN THỂ THAO XÓM Y NA
22 VÙNG NGUYÊN LIỆU CHÈ GẮN VỚI DU LỊCH CỘNG ĐỒNG
23 LÀNG DU LỊCH SINH THÁI VĂN HÓA TRÀ XÓM SOI VÀNG
24 KHU DU LỊCH CỘNG ĐỒNG VÀ DU LỊCH SINH THÁI TRẢI NGHIỆM VĂN HÓA TRÀ
25 KHU ĐẤT QUỐC PHÒNG
26 BÃI TẬP KẾT VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN XÂY DỰNG
27 KHU TẬP KẾT VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI
28 NHÀ MÁY XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT VÀ PHÁT ĐIỆN THÁI NGUYÊN
29 NHÀ MÁY BÊ TÔNG
30 MỎ ĐẤT
31 KHU CHĂN NUÔI TẬP TRUNG
32 TRẠI LỢN

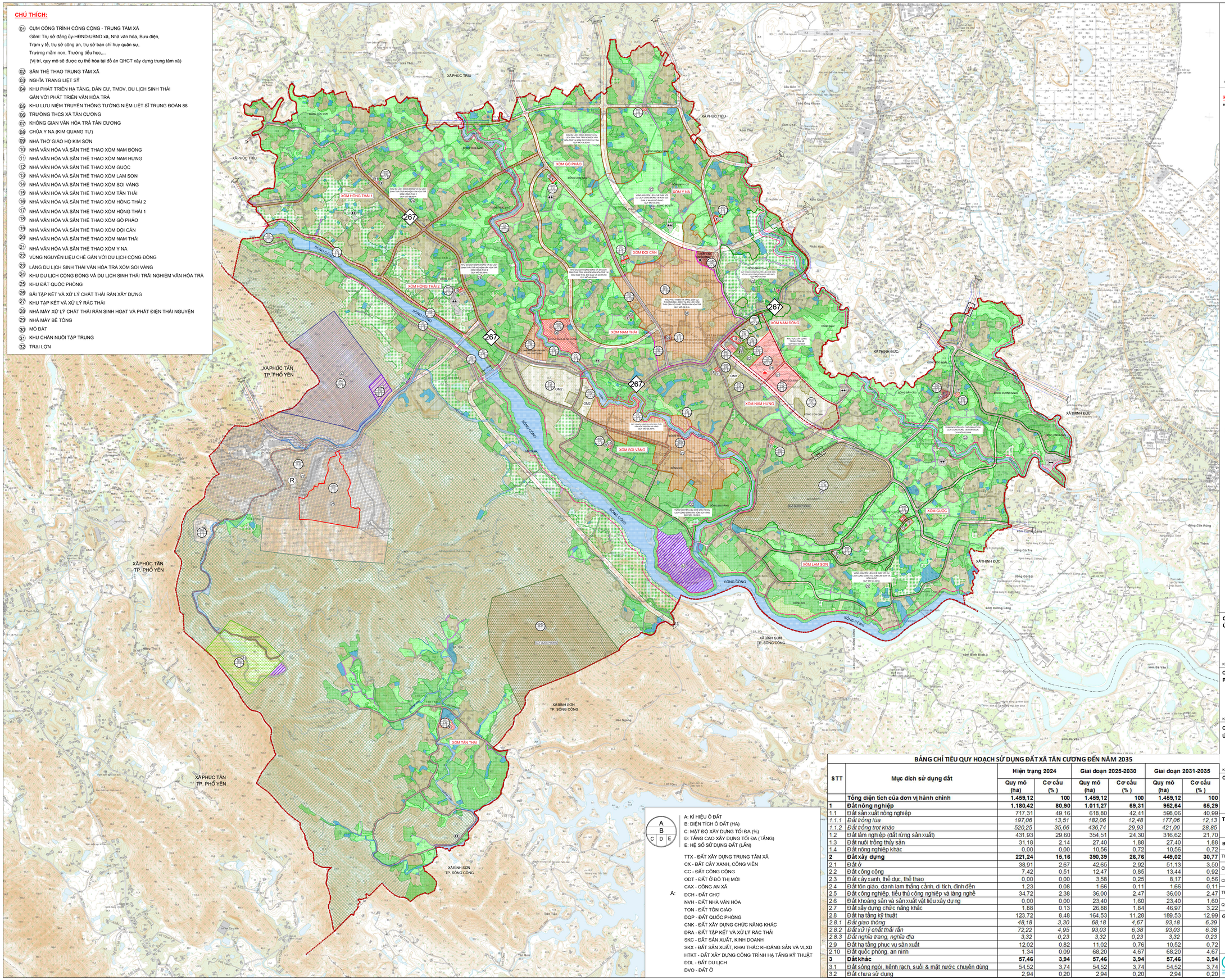

0 200 400 600 800 1000(M)

KÍ HIỆU

HIỆN TRẠNG QH NGẮN HẠN QH DÀI HẠN

I. ĐẤT NÔNG NGHIỆP
- ĐẤT TRỒNG LÚA
- ĐẤT TRỒNG TRỌT KHÁC
- ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
- ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT
- ĐẤT NÔNG NGHIỆP KHÁC

II. ĐẤT XÂY DỰNG
- ĐẤT Ở
- ĐẤT CÔNG CỘNG
- ĐẤT XÂY DỰNG CÁC CHỨC NĂNG KHÁC
- ĐẤT CÔNG NGHIỆP, TTCN VÀ LÀNG NGHỀ
- ĐẤT KHOÁNG SẢN VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG
- ĐẤT CÂY XANH THỂ DỤC THỂ THAO
- ĐẤT QUỐC PHÒNG, AN NINH
- ĐẤT TÔN GIÁO, DANH LAM DI TÍCH, ĐÌNH ĐỀN
- ĐẤT HẠ TẦNG PHỤC VỤ SẢN XUẤT
- ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC
- ĐẤT NGHĨA TRANG, NGHĨA ĐỊA
- ĐẤT XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN

III. ĐẤT KHÁC
- ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG
- ĐẤT SÔNG NGÒI, KÊNH RẠCH, MC CHUYÊN DUNGG
- RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH
- RANH GIỚI XÃ
- RANH GIỚI TRUNG TÂM XÃ
- VÙNG PHÁT TRIỂN DL CỘNG ĐỒNG VÀ DL SINH THÁI
- VÙNG NGUYÊN LIỆU CHÈ GẮN VỚI DL CỘNG ĐỒNG
- HÀNH LANG VEN SUỐI

- TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH CHÍNH TRỊ
- NHÀ VĂN HÓA, THƯ VIỆN, NHÀ HÁT
- TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
- TRƯỜNG TIỂU HỌC
- NHÀ TRẺ
- PHÒNG KHÁM ĐA KHOA, TRẠM Y TẾ
- TÔN GIÁO
- DI TÍCH
- TỔNG ĐÀI BƯU ĐIỆN
- NGHĨA TRANG
- ĐIỂM TẬP TRUNG CTR
- DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI
- TRUNG TÂM THỂ DỤC THỂ THAO
- CÂY XĂNG

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 6253/QĐ-UBND NGÀY 17 THÁNG 06 NĂM 2025

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH VÀ TRÌNH DUYỆT:
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN

KÈM THEO CÔNG VĂN SỐ 749/CVTBKQTD-KTHT&ĐT NGÀY 13 THÁNG 06 NĂM 2025

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN CƯƠNG

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ 38/TTr -UBND NGÀY 12 THÁNG 06 NĂM 2025

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG XÃ TÂN CƯƠNG, THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN ĐẾN NĂM 2035

ĐỊA ĐIỂM: XÃ TÂN CƯƠNG, THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

TÊN BẢN VẼ:

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ:QH-04	GHÉP: 1A0	TỶ LỆ: FIT A0	NGÀY: ... /... /2025
THIẾT KẾ	KTS. NGUYỄN TIẾN QUỐC ANH		
CHỦ TRÌ	KTS.ĐẶNG THỊ THU THỦY		
CHỦ NHIỆM	KTS.NGUYỄN THỊ THÚY		
TRƯỞNG PHÒNG	KTS.HOÀNG KIM THÚY		
Q.L. KỸ THUẬT	KTS.HOÀNG KIM THÚY		

GIÁM ĐỐC
THÁI VŨ MẠNH LINH

CÔNG TY CP KIẾN TRÚC QUỐC TẾ TIMES MIRROR
ĐỊA CHỈ: 33 NGÕ 85, ĐỐI TRUNG KÍNH, CẦU GIẤY, HÀ NỘI
ĐIỆN THOẠI: 0974 187 808
Email: kientructimesmirror@gmail.com

A: KÍ HIỆU Ô ĐẤT
B: DIỆN TÍCH Ô ĐẤT (HA)
C: MẬT ĐỘ XÂY DỰNG TỐI ĐA (%)
D: TẦNG CAO XÂY DỰNG TỐI ĐA (TẦNG)
E: HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT (LẦN)

A:
- TTX - ĐẤT XÂY DỰNG TRUNG TÂM XÃ
- CX - ĐẤT CÂY XANH, CÔNG VIÊN
- CC - ĐẤT CÔNG CỘNG
- ODT - ĐẤT Ở ĐÔ THỊ MỚI
- CAX - CÔNG AN XÃ
- DCH - ĐẤT CHỢ
- NVH - ĐẤT NHÀ VĂN HÓA
- TON - ĐẤT TÔN GIÁO
- DQP - ĐẤT QUỐC PHÒNG
- CNK - ĐẤT XÂY DỰNG CHỨC NĂNG KHÁC
- DRA - ĐẤT TẬP KẾT VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI
- SKC - ĐẤT SẢN XUẤT, KINH DOANH
- SKX - ĐẤT SẢN XUẤT, KHAI THÁC KHOÁNG SẢN VÀ VLXD
- HTKT - ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT
- DDL - ĐẤT DU LỊCH
- DVO - ĐẤT Ở

BẢNG CHỈ TIÊU QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT XÃ TÂN CƯƠNG ĐẾN NĂM 2035

STT	Mục đích sử dụng đất	Hiện trạng 2024		Giai đoạn 2025-2030		Giai đoạn 2031-2035	
		Quy mô (ha)	Cơ cấu (%)	Quy mô (ha)	Cơ cấu (%)	Quy mô (ha)	Cơ cấu (%)
	Tổng diện tích của đơn vị hành chính	**1.459,12**	**100**	**1.459,12**	**100**	**1.459,12**	**100**
1	**Đất nông nghiệp**	**1.180,42**	**80,90**	**1.011,27**	**69,31**	**952,64**	**65,29**
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	717,31	49,16	618,80	42,41	598,06	40,99
1.1.1	*Đất trồng lúa*	*197,06*	*13,51*	*182,06*	*12,48*	*177,06*	*12,13*
1.1.2	*Đất trồng trọt khác*	*520,25*	*35,66*	*436,74*	*29,93*	*421,00*	*28,85*
1.2	Đất lâm nghiệp (đất rừng sản xuất)	431,93	29,60	354,51	24,30	316,62	21,70
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	31,18	2,14	27,40	1,88	27,40	1,88
1.4	Đất nông nghiệp khác	0,00	0,00	10,56	0,72	10,56	0,72
2	**Đất xây dựng**	**221,24**	**15,16**	**390,39**	**26,76**	**449,02**	**30,77**
2.1	Đất ở	38,91	2,67	42,65	2,92	51,13	3,50
2.2	Đất công cộng	7,42	0,51	12,47	0,85	13,44	0,92
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	0,00	0,00	3,58	0,25	8,17	0,56
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	1,23	0,08	1,66	0,11	1,66	0,11
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	34,72	2,38	36,00	2,47	36,00	2,47
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	0,00	0,00	23,40	1,60	23,40	1,60
2.7	Đất xây dựng chức năng khác	1,88	0,13	26,88	1,84	46,97	3,22
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	123,72	8,48	164,53	11,28	189,53	12,99
2.8.1	*Đất giao thông*	*48,18*	*3,30*	*68,18*	*4,67*	*93,18*	*6,39*
2.8.2	*Đất xử lý chất thải rắn*	*72,22*	*4,95*	*93,03*	*6,38*	*93,03*	*6,38*
2.8.3	*Đất nghĩa trang, nghĩa địa*	*3,32*	*0,23*	*3,32*	*0,23*	*3,32*	*0,23*
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	12,02	0,82	11,02	0,76	10,52	0,72
2.10	Đất quốc phòng, an ninh	1,34	0,09	68,20	4,67	68,20	4,67
3	**Đất khác**	**57,46**	**3,94**	**57,46**	**3,94**	**57,46**	**3,94**
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng	54,52	3,74	54,52	3,74	54,52	3,74
3.2	Đất chưa sử dụng	2,94	0,20	2,94	0,20	2,94	0,20